

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1254~~ /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp số 5, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 quy định hồ sơ từng loại quy hoạch đô thị; Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn tại Tờ trình số 435/TTr-BQLKTSNS ngày 18 tháng 3 năm 2016; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1341/SXD-PTĐT ngày 28 tháng 3 năm 2016 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp số 5, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp số 5, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 5 - Khu kinh tế Nghi Sơn (thuộc địa giới hành chính các xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia); Tổng diện tích khu đất nghiên cứu lập quy hoạch là 462,87ha. Ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp Khu công nghiệp số 4;
- Phía Nam giáp đường quy hoạch đi cảng Nghi Sơn;
- Phía Tây giáp đường sắt Bắc Nam quy hoạch;
- Phía Đông giáp Quốc lộ 1A.

2. Tính chất của khu vực lập quy hoạch:

Là Khu công nghiệp đa ngành, ưu tiên loại hình công nghiệp cơ khí, lắp ráp động cơ và kho trung chuyển; công nghiệp phụ trợ phục vụ lọc hóa dầu, chế tạo, vật liệu xây dựng.

3. Các chỉ tiêu về quy mô dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

3.1. Quy mô dân số: Dự báo quy mô lao động khoảng: $37.040 \div 46.300$ lao động.

3.2. Quy mô đất đai: Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: 462,87ha.

3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất:

- | | |
|---|------------------------------|
| - Đất trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng: | Chiếm tỷ lệ $08 \div 10\%$; |
| + Mật độ XD: | $30\% \div 40\%$; |
| + Tầng cao: | $5 \div 9$ tầng; |
| - Đất sản xuất công nghiệp, kho trung chuyển: | Chiếm tỷ lệ $40 \div 60\%$, |
| + Mật độ XD: | $60\% \div 70\%$; |
| + Tầng cao: | $1 \div 3$ tầng; |
| - Đất công trình hạ tầng kỹ thuật: | Chiếm tỷ lệ $5 \div 7\%$; |
| - Đất cây xanh + mặt nước: | Chiếm tỷ lệ $30 \div 35\%$; |
| - Đất giao thông: | Chiếm tỷ lệ $10 \div 12\%$. |

3.4. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- | | |
|---------------|---|
| - Giao thông: | Mật độ đường: $4 \div 5$ km/km ² ; |
| - Cấp điện: | 110/22KV (Cho KCN 3,4,5), 2x40 MVA; |

- Hệ thống cấp điện cho sản xuất, dịch vụ 22 KV đi nổi, hệ thống cấp điện chiếu sáng 0,4 KV đi ngầm;

- Cấp nước: 5000 m³/ngày đêm;

- Thoát nước thải: 5000 m³/ngày đêm;

- Quy hoạch thải nước mưa tách riêng nước thải;

- Chỉ tiêu về chất thải rắn: Lấy bình quân 1÷1,2 m³/ha/ngày.

4. Cơ cấu sử dụng đất

Bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất giữa quy hoạch điều chỉnh và quy hoạch đã được duyệt

STT	Loại đất	QH đã được duyệt		QH điều chỉnh		Tăng giảm so với QH được phê duyệt	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp	203,4	43,94	262,99	51,5	59,59	7,56
2	Đất dịch vụ công cộng	42,40	9,16	21,98	11,1	-20,42	1,94
3	Đất cây xanh mặt nước	159,40	34,443	128,25	27,1	-31,15	-7,343
4	Đất công trình kỹ thuật đầu mối	7,10	1,53	4,09	0,9	-3,01	-0,63
5	Đất giao thông	50,57	10,93	45,56	9,4	-5,01	-1,53
	Tổng cộng	462,87	100,00	462,87	100,00	0,00	0,00

Bảng cơ cấu điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp số 5

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐXD (%)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)
1	Đất SX Công nghiệp		200,19			43,2%
1.1	Khu A5		8,37			
	(Nhóm 1)	A5-1	3,09	40	1÷3	
		A5-2	5,28	40	1÷3	
1.2	Khu B5		26,38			
	(Nhóm 2, 3)	B5-1	3,70	60	1÷3	

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐXD (%)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)
		B5-2	5,34	60	1÷3	
		B5-3	8,10	60	1÷3	
		B5-4	4,47	60	1÷3	
		B5-5	4,77	60	1÷3	
1.3	Khu C5		41,46			
	(Nhóm 2, 3)	C5-1	4,57	60	1÷3	
		C5-2	7,48	60	1÷3	
		C5-3	7,09	60	1÷3	
		C5-4	5,84	60	1÷3	
		C5-5	7,58	60	1÷3	
		C5-6	8,90	60	1÷3	
1.4	Khu D5		39,43			
	(Nhóm 1, 2, 3)	D5-1	6,66	60	1÷3	
		D5-2	6,42	60	1÷3	
		D5-3	7,05	60	1÷3	
		D5-4	5,82	60	1÷3	
		D5-5	6,74	60	1÷3	
		D5-6	6,74	60	1÷3	
1.5	Khu E5		17,36			
	(Nhóm 1)	E5-1	8,50	60	1÷3	
		E5-2	8,86	60	1÷3	
1.6	Khu F5		18,83			
	(Nhóm 1)	F5-1	6,49	60	1÷3	
		F5-2	4,90	60	1÷3	
		F5-3	7,44	60	1÷3	

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐXD (%)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)
1.7	Khu G5		22,80			
	(Nhóm 1, 2, 3)	G5-1	4,62	60	1÷3	
		G5-2	4,35	60	1÷3	
		G5-3	5,96	60	1÷3	
		G5-4	5,97	60	1÷3	
		G5-5	1,90	60	1÷3	
1.8	Khu H5		25,56			
	(Nhóm 1)	H1-1	12,94	60	1÷3	
		H1-2	8,74	60	1÷3	
		H1-3	3,88	60	1÷3	
2	Đất Công nghiệp dự trữ	H5	62,8	60	1÷3	13,6%
3	Đất Công Cộng	CC5	9,04			2,0%
		CC5-1	4,99	30 - 40	5	
		CC5-2	4,05	30 - 40	5	
4	Đất Dịch Vụ Thương mại	DV5	12,94			2,8%
		DV5-1	6,83	40	5	
		DV5-2	6,11	40	5	
5	Đất Cây Xanh - Mặt nước		128,25			27,7%
		CX5-1	5,96	0	0	
		CX5-2	1,76	0	0	
		CX5-3	2,22	0	0	
		CX5-4	4,48	0	0	
		CX5-5	19,39	0	0	
		CX5-6	41,46	10	2	
		MN5-1	38,17	0	0	

STT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐXD (%)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)
		MN5-2	2,45	0	0	
		MN5-3	12,36	0	0	
6	Khu CT Kỹ Thuật Đầu Mối		4,09			0,9%
		TĐ	1,80	40	2	
		XLNT	2,29	10	2	
7	Đất giao thông		45,56			9,8%
	Tổng		462,87			100,0%

5. Phân khu chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế:

5.1. Đất công cộng

- Bố trí khu văn phòng tại vị trí cửa ngõ vào khu công nghiệp, tiếp giáp với đường vào mỏ sét Trường Lâm và nút giao thông giao cắt giữa các trục đường chính của khu. Cụm công trình này bao gồm văn phòng cho thuê, trung tâm quảng bá giới thiệu sản phẩm, dịch vụ hậu cần... phục vụ nhu cầu công cộng cho khu công nghiệp.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

+ Quy mô diện tích: 9,04 ha (chiếm 2,0%).

+ Mật độ xây dựng 30 - 40%.

+ Tầng cao trung bình 5 tầng.

5.2. Đất dịch vụ thương mại

- Bố trí khu dịch vụ thương mại tại vị trí cửa ngõ vào khu công nghiệp, tiếp giáp với đường vào mỏ sét Trường Lâm và nút giao thông giao cắt giữa các trục đường chính của khu (sau khu văn phòng). Cụm công trình này bao gồm trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng, nghỉ dưỡng... phục vụ nhu cầu dịch vụ thương mại, hậu cần cho khu công nghiệp.

- Quy mô diện tích: 12,94ha (chiếm 2,8%).

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với từng lô đất:

+ Mật độ xây dựng 30 - 40%.

+ Tầng cao trung bình 5 tầng.

5.3. Đất sản xuất công nghiệp, đất sản xuất công nghiệp dự trữ

- Được bố trí thành các tổ hợp công nghiệp lớn, chiếm tỷ lệ diện tích lớn trong toàn khu công nghiệp. Loại hình công nghiệp chủ đạo là sản xuất cơ khí, lắp ráp động cơ, công nghiệp phụ trợ phục vụ lọc hoá dầu, chế tạo, vật liệu xây dựng được bố trí theo mức độ ô nhiễm. Công nghiệp cơ khí, lắp ráp động cơ có mức độ ô nhiễm ít bố trí ở phía Đông khu đất giáp với quốc lộ 1A. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng bố trí gần các mỏ đá, công nghiệp phụ trợ phục vụ lọc hoá dầu, chế tạo bố trí về phía Tây khu đất.

- Đất Công nghiệp dự trữ: bao gồm diện tích núi đá làm mỏ đá cho các lô đất công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Sau khi khai thác hết mỏ đá, khu núi đá dự kiến làm đất sản xuất Công nghiệp (loại hình tương tự đất Công nghiệp).

*** Đất sản xuất Công nghiệp**

- Quy mô diện tích : 200,19ha (chiếm 43,2%).

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với tung lô đất:

+ Mật độ xây dựng 40 - 60%.

+ Tầng cao xây dựng trung bình 2 tầng.

*** Đất sản xuất Công nghiệp Dự trữ**

- Quy mô diện tích : 62,8ha (chiếm 13,6%).

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với tung lô đất:

+ Mật độ xây dựng 40 - 60%.

+ Tầng cao xây dựng trung bình 2 tầng.

5.4. Đất công trình hạ tầng kỹ thuật

- Bố trí ở vị trí có liên lạc thuận lợi với hạ tầng đầu mối chung của khu kinh tế Nghi Sơn. Quảng trường giao thông, bãi đỗ xe bố trí tiếp giáp với đường quốc lộ 1A. Trạm cấp điện bố trí tiếp giáp Khu công nghiệp số 4 (đường vào mỏ sét Trường Lâm). Hệ thống cấp điện cho cả 3 khu công nghiệp (số 3, 4, 5). Trạm xử lý nước thải bố trí ở trung tâm gần khu công cộng tiếp giáp với đầm Thượng Hòa để đảm bảo thuận lợi cho tiêu thoát nước.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với tung lô đất:

+ Quy mô diện tích 4,09ha (chiếm 0,9 %).

+ Mật độ xây dựng 10 - 20%.

+ Tầng cao trung bình 1- 2 tầng.

5.5. Đất cây xanh – mặt nước

- Đất cây xanh bao gồm cây xanh cách ly, cây xanh công viên, bãi đỗ xe và sông hồ mặt nước. Bố trí phân tán trên toàn khu vực quy hoạch. Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu cách ly và góp phần tạo lập cảnh quan cho khu công nghiệp. Khu cây xanh dịch vụ dọc tuyến quốc lộ 1A bố trí hệ thống bãi đỗ xe kết hợp với hệ thống quảng cáo chỉ dẫn, ký hiệu cho khu công nghiệp.

- Diện tích 128,25ha (chiếm 27,7 %).

- Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Phối hợp với các yếu tố tạo lập thẩm mỹ cho khu công nghiệp như cây xanh, mặt nước, ánh sáng, vật liệu và các giải pháp tổ chức không gian cảnh quan cho khu công nghiệp.

6. Giải pháp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

- Tổ chức mạng lưới đường gắn kết với quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn qua điểm đầu nối đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn và đường gom đường sắt hiện trạng.

- Đường trong KCN 5 có các loại đường sau:

+ Trục chính KCN theo hướng Đông - Tây.

Có 2 đoạn: Đoạn lộ giới 47,0m bao gồm: lòng đường 15,0m x 2, vỉa hè 6,0m x 2, giải phân cách 5,0 m. Đoạn lộ giới 27,0m bao gồm: lòng đường 15,0m, vỉa hè 6,0m x 2

+ Đường bao khu vực KCN (khu đất công nghiệp), có lộ giới 27,0m bao gồm: lòng đường 15,0m, vỉa hè 6,0m x 2.

+ Đường bao khu vực phía Đông Bắc KCN (khu đất công cộng dịch vụ), lộ giới 35,0 m, lòng đường 15,0 m, vỉa hè 10,0m x 2.

+ Tuyến đường dọc đường sắt Bắc Nam hiện trạng có lộ giới 107,0m bao gồm: hành lang bảo vệ đường sắt 13,0 m, cây xanh cách ly 20,0 m x 2, đường gom 2 bên, mỗi bên lộ giới 27,0 m.

+ Các đường mang tính chất đường nhánh khu vực phân chia các khu chức năng, có lộ giới 43,0m bao gồm: lòng đường 12,0m x 2, vỉa hè 8,0m x 2 giải phân cách 3 m và lộ giới 27,0m bao gồm: lòng đường 15,0m, vỉa hè 6,0m x 2.

6.2. Quy hoạch san nền:

- Căn cứ trên cao độ tự nhiên của khu vực, cao độ đường 1A và cao độ thiết kế của đường vào mỏ sét Trường Lâm, đường Đông Tây 4. Cao độ san nền khu vực được khống chế từ từ 4,5m đến 8,3 m. Độ dốc san nền $i = 0,004 - 0,005$.

- Hướng dốc san nền chính là tạo dốc theo hướng dốc địa hình tự nhiên từ Tây sang Đông.

- Hướng dốc san nền cục bộ trong lô đất là tạo dốc về phía các trục đường từ đó nước mưa được thu vào hệ thống thoát nước đặt dưới vỉa hè và được dẫn vào hệ thống thoát nước chung và đổ vào mương thoát nước.

6.3. Quy hoạch thoát nước:

- Quy hoạch thoát nước mưa: Thoát nước mưa cho khu vực được quy hoạch theo phương án thoát nước riêng hoàn toàn. Toàn bộ lượng nước mưa sẽ được thoát ra sông cầu Vàng và sông Lạch Bạng. Toàn bộ khu vực nghiên cứu có 02 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1 là phía tây đường sắt toàn bộ nước mưa của lưu vực này sẽ được thu gom và thoát về mương hở B(đáy) \times H=4 \times 2,2m phía Tây khu vực nghiên cứu, qua đường sắt đoạn cầu Mét (thuộc khu công nghiệp số 4), đổ vào hồ Thượng Hoà, đổ ra sông Bạng. Đường kính cống của lưu vực từ D800 đến D1500.

+ Lưu vực 2 là phía Đông đường sắt, toàn bộ nước mưa của lưu vực này sẽ được thu gom và thoát về sông Thạch Luyện và Đầm Thượng Hoà và chảy ra cầu Hồ đổ ra sông Lạch Bạng. Đường kính cống của lưu vực từ D800 đến D1500.

+ Toàn bộ nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống tròn BTCT chạy dọc theo các tuyến đường của KCN5. Nước mưa được thu gom bằng các giếng thu nằm dưới mặt đường, với khoảng cách trung bình 30 – 40 m/giếng

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải của KCN 5 được thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải của các khu công nghiệp được xử lý nước thải chung của dự án. Hệ thống thoát nước thải thiết kế theo nguyên lý tự chảy hoàn toàn đến trạm xử lý nước thải, dùng ống tròn BTCT đường kính từ D300 đến D400.

+ Quy hoạch các đường cống dẫn nước thải trên vỉa hè, các giếng thăm có khoảng cách từ 30m đến 50m, độ dốc cống $i=0,3\% \div 0,4\%$. Tất cả các tuyến cống có hướng thoát theo hướng dốc của đường, các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về trạm xử lý.

+ Các khu nhà máy, xí nghiệp khi tham gia vào hoạt động của KCN 5 đều phải xử lý đạt cấp B rồi mới xả vào hệ thống thoát nước thải tập trung của khu vực, sau đó được xử lý tập trung đạt cấp A theo tiêu chuẩn TCVN 6984 -2001. Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải phía Nam, công suất $Q = 4.500 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

6.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ lộ 110KV dọc tuyến đường vào mỏ sét Trường Lâm.
- Trạm biến áp toàn khu: Cấp cho khu vực lập quy hoạch lấy từ trạm 110kV Quy hoạch mới tại khu CN5 có công suất $S = 3 \times 50 \text{MVA}$ cấp cho cả 3 khu công nghiệp số 3, số 4, số 5 (theo QHC xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 có công suất $2 \times 40 \text{MVA}$).
- Giải pháp thiết kế cho toàn bộ hệ thống cấp điện trung áp là đường 22kv, đường dây hạ áp cấp điện chiếu sáng trong khu công nghiệp và hệ thống cấp điện hạ áp 0,4KV đi ngầm.
- Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống cấp điện động lực và được điều khiển bật, tắt đèn bằng tủ điều khiển tự động. Cấp điện chiếu sáng đường trong khu công nghiệp: Sử dụng cáp ngầm CU/XPLE/DSTA/PVC $4 \times 16 \text{mm}^2$ cấp đến hộp kỹ thuật điện tại chân cột đèn.

6.5. Quy hoạch cấp nước:

- * Nguồn và nhu cầu cấp nước:
 - Nguồn nước cấp giai đoạn thi công lấy từ nhà máy nước Bình Minh. Nguồn nước cấp giai đoạn ổn định đáp ứng công suất lấy từ nhà máy nước Khe Sanh (tại Khu đô thị số 2) công suất $90.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$ Nguồn nước cấp cho sản xuất trích từ ống cấp D300 từ hồ Yên Mỹ qua Khu công nghiệp số 3.
 - Nhu cầu dùng nước cấp cho khu công nghiệp gồm cả dự phòng, tổn thất được tính toán là: $5.500 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$
- * Tổ chức mạng lưới đường ống cấp nước sản xuất:
 - Quy hoạch hệ thống cấp nước sản xuất và hệ thống cấp nước chữa cháy riêng.
 - Các tuyến ống trên mạng được bố trí trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường có đường kính từ D100 đến D300.
 - Tại các điểm lấy nước vào các khu công nghiệp đều bố trí van khóa và ống chờ để cấp nước vào trong khu.

- * Tổ chức mạng lưới đường ống cấp nước chữa cháy:

Đường ống chữa cháy được quy hoạch riêng với mạng cấp nước sinh hoạt, Tuyến ống, các họng chữa cháy được bố trí trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường. Toàn dự án bố trí 70 họng chữa cháy các họng chữa cháy được đặt cách nhau trung bình 150m, cách mép vỉa hè không quá 2,5m.

6.6. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

Một số giải pháp cơ bản khắc phục ô nhiễm môi trường khi hình thành khu quy hoạch:

+ Tăng cường trồng cây xanh theo các trục đường, khu vực cách ly, bảo đảm mật độ cây xanh cho toàn KCN và trong các nhà máy, xí nghiệp tập trung.

+ Tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý chất thải rắn 100%, tại các xí nghiệp công nghiệp, khu công trình công cộng...vv bố trí các điểm thu gom rác thải tập trung, chất thải được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý CTR của huyện Tĩnh Gia.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Tăng cường tỷ lệ cây xanh để nâng cao diện tích cây xanh trong khu vực, đặc biệt là hệ thống cây xanh cách ly sẽ giúp cải thiện môi trường tại khu vực;

- Thực hiện các biện pháp quan trắc môi trường để có biện pháp xử lý phù hợp khi có diễn biến môi trường bất lợi;

- Các hoạt động xây dựng khu công nghiệp phải được thực hiện đúng quy trình quy định để giảm thiểu các tác động môi trường. Mạng lưới cơ sở hạ tầng xây dựng đồng bộ, hoàn thiện và khai thác sử dụng theo từng khu vực;

- Phân vùng môi trường để có biện pháp bảo vệ thích hợp cho từng khu vực;

8. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

8.1. Những hạng mục ưu tiên:

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, san lấp, chuẩn bị kỹ thuật v.v...).

- Xây dựng, cải tạo một số tuyến đường chính.

- Hệ thống công trình công cộng.

8.2. Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn của chủ đầu tư và vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 5, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Bàn giao tài liệu quy hoạch cho chính quyền địa phương để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa và quản lý hệ thống mốc giới theo quy hoạch được duyệt;

b) Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND huyện Tĩnh Gia theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định hiện hành.

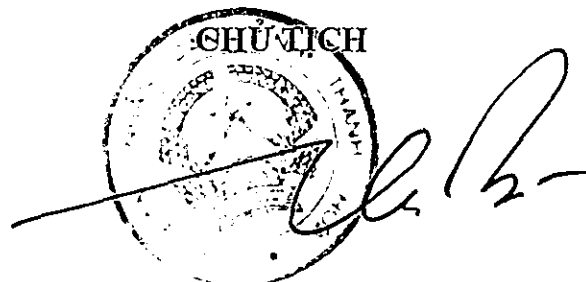
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn; Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa;
- Lưu: VT, CN.

H3.(2016)QDPD_QHCT KCN số 5 Nghi Sơn



Nguyễn Đình Xúng